

- **?**: số mL HT được thải trừ thuốc hoàn toàn trong 1 phút khi nó đi qua CQ thải trừ
- biểu thị khả năng thải trừ thuốc ra khỏi HT của CQ (gan, thận)

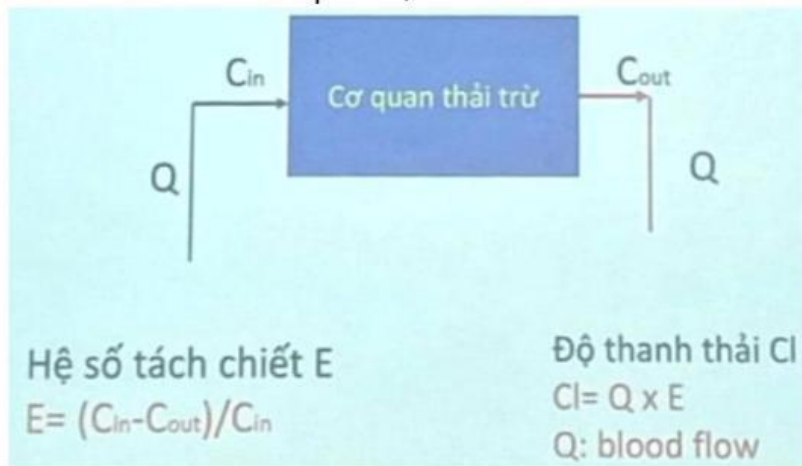
- **đơn vị**: ml/phút
ml/kg/phút
ml/m²/phút
- **Công thức**
 $Cl = \frac{F \cdot D}{AUC}$

- Hai **CQ thải trừ** chính
 - **gan** (chuyển hóa --> thải trừ qua mật)
 - **thận**

$$Cl_{total} = Cl_{gan} + Cl_{thận} + Cl_{khác}$$

- CL càng lớn, thải trừ càng nhanh
- **Ứng dụng**
 - **Tính Dose** administered để duy trì ổn định Cp
Cp ổn định khi $v_{thải trừ} = v_{hấp thụ}$
 - **Chỉnh Dose** administered đối với **suy gan, suy thận**
(suy cái nào thì tránh chọn thuốc thải trừ qua cái đó)

Hệ số tách chiết: tỉ lệ thuốc bị loại khỏi máu khi qua CQ thải trừ



- $E < 0.3$: thấp
- $0.3 < E < 0.7$: trung bình
- $E > 0.7$: cao
- **Thuốc có E cao**: (> 0.7):
 - CL cq $\sim$ Q máu (lưu lượng)
 - CL của thuốc **nhạy với sự thay đổi Q máu**
→ có thể được dùng để **đo Q máu** qua cq
e.g. dùng xanh indocyanin đo Q máu qua gan
- **Thuốc có E thấp** (< 0.3)
 - CL thay đổi theo **phần thuốc tự do**
(vì phần tự do mới qua màng được)
 - CL của thuốc **kém nhạy với sự thay đổi Q máu**